

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7-CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 27/02/2026

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Thành.

2. Ông Phạm Văn Sáu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:* **Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân Toà án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2025 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2026/QĐXXST –HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị L, sinh năm: 1975 (*Có đơn xin vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp thị trấn A1, xã Hòa Bình, tỉnh Cà Mau

*** Bị đơn:-** Ông Thạch D, sinh năm 1979 (*Có đơn xin vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp thị trấn A1, xã Hòa Bình, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn là bà Phạm Thị L trình bày: Bà và ông Thạch D xây dựng hôn nhân vào năm 2016, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, hai vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hai vợ chồng bà hiện đã sống ly thân với nhau. Trong thời gian sống ly thân hai vợ chồng ông bà đều có cuộc sống riêng, không tìm gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn nên nay bà yêu cầu không công nhận

quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Thạch D. Về con chung; Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo bị đơn ông Thạch D trình bày:* Ông D thống nhất với lời trình bày của bà L về thời gian tự nguyện chung sống, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa hai lần thường xuyên có nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, hiện tại đã sống ly thân với nhau. Nay bà L yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng, ông D đồng ý. Về con chung; Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn thực hiện không đúng nghĩa vụ của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị L: Không công nhận bà Phạm Thị L và ông Thạch D là vợ chồng; Về con chung; Tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét; Về án phí bà Phạm Thị L phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị L nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Thạch D; Hiện ông Thạch D đang cư trú tại ấp thị trấn A1, xã Hòa Bình, tỉnh Cà Mau, nên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Phạm Thị L, ông Thạch D có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Phạm Thị L, ông Thạch D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Vào khoảng năm 2016, bà Phạm Thị L và ông Thạch D tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng và không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, là hôn nhân không hợp pháp. Bà Phạm Thị L cho rằng, trong quá trình chung sống, hai người có nhiều mâu thuẫn và mâu thuẫn này không thể hàn gắn, hiện tại cả hai đã sống ly thân với nhau, nên bà L yêu cầu Tòa án tuyên bố bà L và ông D không phải là vợ chồng. Phía ông D cũng đồng ý theo yêu cầu bà L. Xét thấy, do bà L và ông D chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn, theo quy định khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản... được giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình*”. Do vậy, Tòa án không công nhận bà L và ông D là vợ chồng.

[2.2] Về con chung; Tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị L và ông Thạch D xác định con chung, tài sản chung và nợ chung không có không yêu cầu nên không đặt ra xem xét bà Phạm Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Thị L và ông Thạch D là vợ chồng.

2. Về con chung; Tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị L và ông Thạch D xác định con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Bà Phạm Thị L đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0003892 ngày 04/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

4. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau;
- UBND xã Hòa Bình
- Phòng THADS khu vực 7- Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Nam